TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2025
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Ái

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình và ông Vũ Đức Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Lam - Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS ngày 04/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-DS ngày 18/9/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V
Địa chỉ: 89 L, phường Đ, Hà Nội
Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Bắc
Người được ủy quyền lại: Ông Vương Văn T, ông Lê Kiến Q, ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: Tòa nhà Việt Hải, số 78 Dịch Vọng Hậu, phường Cầu Giấy, Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Nơi ĐKTT tại: N, X, Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: K, X, Hưng Yên (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*** Ngày 09/11/2020 Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng và bà Nguyễn Thị H có ký kết giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hàng và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử có nội dung cụ thể như sau: Mã số hợp đồng/thẻ trên hệ thống: LD2032302267 ngày 18/11/2020; Hạn mức đề nghị: 115.500.000 đồng; Thời hạn: 48 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng. Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank và phải bàu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín

dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 11/6/2025 bà Nguyễn Thị H còn nợ VP Bank số tiền là: Gốc: 90,267,999 đồng; Lãi: 142,981,560 đồng; Tổng là: 233,249,559 đồng. Ngân hàng đề nghị Toà án yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Buộc bà Nguyễn Thị H phải bàu lãi suất theo Hợp đồng cho vay đã ký cho đến ngày bà Nguyễn Thị H thực tế thanh toán hết khoản nợ cho VPBank. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của bà Nguyễn Thị H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VPBank. Bà Nguyễn Thị H phải bàu toàn bộ án phí tố tụng và các khoản chi phí tố tụng phát sinh (nếu có).

**** Theo bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*** Vào năm 2020, bà có vay của Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng số tiền 115,500,000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà đã trả gốc, lãi mỗi tháng hơn 6.000.000 đồng cho ngân hàng. Đến khoảng năm 2022-2023 bà không thể thanh toán cho Ngân hàng vì kinh tế khó khăn (do bà H bị lừa hết tiền, gia đình không có tài sản gì, chồng bà H bị ung thư). Theo ngân hàng tính đến ngày 11/6/2025 bà còn nợ ngân hàng là là Nợ gốc: 90.267.999 đồng; nợ lãi 142.981.560 đồng; Tổng gốc và lãi là 233.249.559. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu bà trả nhưng bà chưa trả được. Vì vậy, bà mong Ngân hàng miễn giảm lãi của khoản vay trên cho bà và cho bà thêm thời gian để thanh toán khoản nợ.

Tại phiên tòa ngày 18/9/2025 bị đơn vắng mặt lần thứ 1 không có lý do, tại phiên tòa ngày 27/9/2025 bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng đối với bà Nguyễn Thị H. Căn cứ các Điều 117, 278, 344, 345, 351, 352 và 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên xử:

- Buộc bà H phải trả tiền nợ gốc cho ngân hàng Thịnh vượng tính đến ngày 27/9/2025 là: tiền gốc 90.267.999 đồng, tiền lãi trong hạn 3.272.532 đồng, tiền lãi quá hạn 168.720.441 đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 262.260.972 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục bàu lãi suất đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 12/6/2025 theo Hợp đồng cho vay đã ký cho đến ngày bà H thanh toán hết khoản nợ cho VPBank.

- Về án phí: Đương sự phải bàu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại Ngân hàng Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" với bà Nguyễn Thị H là bị đơn có nơi ĐKTT tại: N, X, Hưng Yên. Đây là vụ án dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị H về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả mở phiên họp nhưng bà H đều vắng mặt. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc, còn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng và bà Nguyễn Thị H thì thấy:

[3.1] Về việc xác lập hợp đồng: Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng và bà Nguyễn Thị H có ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hàng và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2032302267 ngày 18/11/2020 với mục đích vay là tiêu dùng. Bà H đã ký vào giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, bà H thừa nhận khoản vay này. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm đều được ký kết bởi người có thẩm quyền. Các bên thực hiện hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng trên cơ sở quy định tại các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán:

- Nợ gốc: Ngày 18/11/2020, Ngân hàng đã giải ngân vào tài khoản cho bà H số tiền 115.500.000 đồng. Qúa trình thực hiện hợp đồng bà H đã trả cho Ngân hàng được 25.232.001 đồng phù hợp với bảng kê tính lãi được xác định đến ngày 27/9/2025. Kể từ

ngày 18/6/2022 bà H không thanh toán thêm khoản tiền nào khác, vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Việt N Thịnh Vượng về việc buộc bà H trả số tiền nợ gốc 90.267.999 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số LD2032302267 ngày 18/11/2020 là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Nợ lãi: Căn cứ giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hàng và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử có nội dung cụ thể như sau: Mã số hợp đồng/thẻ trên hệ thống: LD2032302267 ngày 18/11/2020 mà Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng đã ký với bà H thì các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay 38%/ năm. Ngày 18/6/2022, bà H không thanh toán được khoản nợ trên theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất quá hạn 57%/ tháng (38% x 150%) từ ngày Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung của Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng. Xét thấy, thỏa thuận này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 466 BLDS; Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Bà H đã được Ngân hàng thông báo về lãi suất cho vay, không có ý kiến gì, đã thực hiện trả gốc, trả lãi đối với Hợp đồng tín dụng nêu trên. Xét thấy, sự thỏa thuận mức lãi suất của đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật dân sự mà được điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy, căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; căn cứ bảng tổng hợp dư nợ, bảng tính lãi tính đến ngày 27/9/2025, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà H phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, cụ thể: lãi trong hạn 3.272.532 đồng, lãi quá hạn 168.720.441 đồng

Kể từ ngày 28/9/2025, bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải bàu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H phải bàu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt N đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số LD2032302267 ngày 18/11/2020.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng toàn bộ số tiền nợ gốc là 90.267.999 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử 27/9/2025 là 171.992.973 đồng (trong đó: Lãi trong hạn 3.272.532 đồng, lãi quá hạn 168.720.441 đồng). Tổng số tiền 262.260.972 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD2032302267 ngày 18/11/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2025), bà Nguyễn Thị H còn tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 13.113.048 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Việt N Thịnh Vượng số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0004159 ngày 21/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Hưng Yên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;*
- *VKSND khu vực 1;*
- *THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊNTOÀ

Hoàng Thị Ái